

# Hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền tự do lập hội ở nước ta hiện nay

PGS.TS. Vũ Công Giao – Ths Lê Thuý Hương

## 1. Khái niệm, nội dung, đặc điểm của cơ chế bảo đảm quyền tự do lập hội

### 1.1. Khái niệm, nội dung

Cơ chế (“*mécanisme*” trong tiếng Pháp, “*mechanism*” trong tiếng Anh) là khái niệm rộng và trừu tượng. Từ điển Le Petit Larousse (1999) định nghĩa “*mécanisme*” là “cách thức hoạt động của một tập hợp các yếu tố phụ thuộc vào nhau”.<sup>50</sup> Từ điển Oxford định nghĩa “*mechanism*” là<sup>51</sup> “Một hệ thống các bộ phận làm việc cùng nhau trong một bộ máy”, “Một quy trình tự nhiên hoặc được con người tổ chức mà qua đó một việc gì đó được xác lập hoặc thực hiện”.<sup>52</sup>, hoặc “một phương thức hoặc một hệ thống nhằm đạt được điều gì đó”<sup>53</sup> Còn ở Việt Nam, Từ điển Tiếng Việt định nghĩa “*cơ chế*” là “...cách thức mà theo đó một quá trình được thực hiện”.<sup>54</sup>

Như vậy, khi nói đến cơ chế, có hai yếu tố không thể bỏ qua, đó là: (i) Các yếu tố/chủ thể cấu thành/tham gia hệ thống/quy trình, và (ii) các quy tắc vận hành của hệ thống/quy trình đó. Trong thực tế, cả hai yếu tố này thường mang tính “động” – có nghĩa là có thể được thay đổi, điều chỉnh. Đó là bởi một cơ chế ở trạng thái tĩnh sẽ trở lên cứng nhắc, mâu thuẫn với bối cảnh tự nhiên/xã hội biến động liên tục, vì thế khó hoặc không thể tồn tại lâu dài và đạt được kết quả/mục tiêu đề ra.

Tuy nhiên, mặc dù có tính ‘động’, một trong các điều kiện đó là yếu tố/chủ thể cấu thành/tham gia hệ thống/quy trình đều phải hướng tới giải quyết một nhiệm vụ chung, nhằm đạt được mục tiêu chung. Tương tự, các quy tắc vận hành của hệ thống/quy trình cũng phải nhằm giải quyết các nhiệm vụ chung và đạt được mục tiêu chung đó.

Ở Việt Nam, thuật ngữ “*cơ chế*” thường được gắn liền với “*chính sách*” (cơ chế chính sách). Điều này là bởi các cơ chế thường được cụ thể hoá bằng những chính sách cụ thể, theo nghĩa đó là một tập hợp các biện pháp pháp lý mà Nhà nước ban hành và áp dụng để tác động tới một vấn đề, lĩnh vực nào đó của xã hội, ví dụ như chính sách về quản lý tài chính công, về thu hút đầu tư nước ngoài, bảo đảm bình đẳng giới...

Từ những phân tích ở trên, và trong phạm vi bài viết này, có thể hiểu cơ chế bảo đảm quyền tự do lập hội là *cơ cấu tổ chức bộ máy và quy trình, thủ tục pháp lý nhằm hiện thực hoá và bảo vệ quyền tự do lập hội ở một quốc gia*. Theo nghĩa rộng hơn, khái niệm cơ chế bảo đảm quyền tự do lập hội nói đến *tập hợp các quy định pháp luật của một quốc gia về vị trí, vai trò, quyền hạn, nghĩa vụ và mối quan hệ của các chủ thể tham gia các quan hệ pháp lý về tự do lập hội; các quy tắc, thủ tục mà các chủ thể đó phải tuân thủ, áp dụng để hiện thực hoá và bảo vệ quyền tự do lập hội trong thực tế*.

<sup>50</sup> Nguồn: Le Petit Larousse Illustré : Edition 1999 Relié – 31 décembre 2006

<sup>51</sup> Nguyên văn: “A system of parts working together in a machine;”, “A natural or established process by which something takes place or is brought about”. Nguồn: <http://www.oxforddictionaries.com/definition/english/mechanism>

<sup>52</sup> Nguồn: <http://www.oxforddictionaries.com/definition/english/mechanism>

<sup>53</sup> Nguyên văn: “A method or a system for achieving something.” Nguồn: Oxford Advanced Learner’s Dictionary, 7<sup>th</sup> Edition, Oxford University Press, 2005, trang 953.

<sup>54</sup> Nguồn: Từ điển Tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học, NXB Đà Nẵng, 2003.